TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG – THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 6 – 2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Ông Trần Hoàng Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc V– sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn S, xã D, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trương Văn S– sinh năm 1999

Địa chỉ: Khu phố X, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2023, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Văn S chung sống với nhau vào năm 2018, hai bên tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ vào ngày 04/5/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà ba mẹ chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc

đến năm 2021 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chồng bà có quan hệ ngoài luồng với người khác từ 02 năm nay, bà đã nhiều lần cho chồng cơ hội sửa sai nhưng chồng vẫn không thay đổi; dẫn đến vợ chồng cãi vả không thể hòa giải được. Từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, bà đã dẫn con về nhà cha mẹ sinh sống. Trong thời gian không còn sống chung, thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc nhưng không ai đặt vấn đề vợ chồng quay về đoàn tụ. Nay bà xác định không còn tình cảm với chồng; do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với chồng bà là ông Trương Văn S.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Trương Gia P – sinh ngày 21/4/2018 và cháu Trương Gia T – sinh ngày 10/12/2020; hiện các con đang sống cùng bà. Hiện bà đang làm nghề uốn tóc, thu nhập bình quân hàng tháng từ 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng; bà nhận thấy đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, nên khi ly hôn bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn khởi kiện và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (tức là 2.500.000 đồng/tháng/con). Tại biên bản hòa giải ngày 19/5/2023 và tại phiên tòa hôm nay, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2023 bị đơn ông Trương Văn S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc V tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên; nguyên nhân là do tính tình không hợp dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay vợ ông yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn vì ông không còn tình cảm với vợ ông.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Trương Gia P – sinh ngày 21/4/2018 và cháu Trương Gia T – sinh ngày 10/12/2020; hiện các con đang sống cùng vợ. Ly hôn, ông đồng ý giao 02 con chung cho vợ ông trực tiếp nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con do vợ ông không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đã nhận được các thông báo của Tòa án về yêu cầu khởi kiện của vợ ông, tuy nhiên do bận công việc nên ông không thể đến Tòa theo giấy báo mà ông đã nhận. Ông cùng đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng do công việc quá nhiều nên ông không thể đến Tòa, vì vậy ông đề nghị được vắng mặt trong phiên tòa xét xử sắp tới. Ông cam kết không khiếu nại gì về sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng

xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử tuy nhiên bị đơn có đề nghị giải quyết vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho bà Nguyễn Thị Ngọc V được ly hôn với ông Trương Văn S. Về con chung: Giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng và ông S không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà V tự nguyện không yêu cầu. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trương Văn S có địa chỉ cư trú tại khu phố X, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung các bên tranh chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến xin ly hôn và nuôi con; nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2023, bị đơn ông Trương Văn S đề nghị được giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trương Văn S.

[1.4] Tại đơn khởi kiện và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà Vy yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (tức là 2.500.000 đồng/tháng/con). Tại biên bản hòa giải ngày

19/5/2023 và tại phiên tòa hôm nay, bà V không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng của bà V không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu; căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc V và ông Trương Văn S chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, thành phố P theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 04/5/2019 trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà V trình bày lý do xin ly hôn: Ông Trương Văn S có quan hệ ngoài luồng với người khác từ 02 năm nay, bà đã nhiều lần cho chồng cơ hội sửa sai nhưng chồng vẫn không thay đổi; dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn không thể hòa giải được. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian không còn sống chung, vợ chồng vẫn liên lạc nhưng không ai đặt vấn đề vợ chồng quay về đoàn tụ. Hiện bà cũng không còn tình cảm với ông Trương Văn S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2023, ông Trương Văn S trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc V tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân; quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên; nguyên nhân là do tính tình không hợp dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay vợ ông yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn vì ông không còn tình cảm với vợ ông.

Xác minh về tình trạng hôn nhân của bà V và ông S tại địa phương được biết: "*Hiện nay ông Trương Văn Scó cư trú tại khu phố X, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Ngọc V có xảy ra mâu thuẫn không thì địa phương không rõ vì không báo địa phương hòa giải*".

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Ngọc V và ông Trương Văn S đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; hiện vợ chồng đã không còn chung sống với nhau; mặc dù vợ chồng vẫn còn liên lạc nhưng không ai đặt vấn đề vợ chồng quay về đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, bà V và ông S đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và đồng ý ly hôn, không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, thực tế tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà V là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà Vy và ông Sơn có 02 con chung là cháu Trương Gia P – sinh ngày 21/4/2018 và cháu Trương Gia T – sinh ngày 10/12/2020; Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng các con và không yêu cầu ông Sơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Cháu P và cháu T hiện còn nhỏ tuổi rất cần sự chăm sóc, quan tâm và yêu thương của người mẹ; Từ khi vợ chồng không còn sống chung, bà V là người trực tiếp nuôi dưỡng các con; đồng thời bị đơn ông Trương Văn S cũng đồng ý giao 02 con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V có nghề nghiệp, có thu nhập và

chỗ ở ổn định nên Hội đồng xét xử giao cháu P và cháu T cho bà V tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trương Văn S không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do bà V không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc V và ông Trương Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc V đối với ông Trương Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc V được ly hôn với ông Trương Văn S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trương Gia P – sinh ngày 21/4/2018 và Trương Gia T – sinh ngày 10/12/2020 cho bà Nguyễn Thị Ngọc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trương Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà V tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc V và ông Trương Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc V phải nộp 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005013 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị Ngọc V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/6/2023); bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. PR - TC;
- CCTHADS Tp. PR – TC ;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ
(Giấy CNKH số 34, ngày 04/5/2019);
- Lưu HS + Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Nguyễn Thanh Thảo